

TÌM LẠI

hành cung Cổ Bi xưa

T.S. NGUYỄN VĂN ĐOÀN*

Dị tích hành cung Cổ Bi thuộc tổ dân phố Bình Minh (thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm) cách trung tâm Hà Nội khoảng 12km về phía Đông. Hiện nay, di tích nằm trên gò đất cao (gò Đình), liền kề với thôn Cam (xã Cổ Bi) và cách đê sông Đuống khoảng 2km, được mang tên là đình Bình Minh, bởi nơi đây có ngôi đình mới được dân làng xây dựng.

Dưới thời Lê, hành cung thuộc địa vực làng Cổ Bi, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc - một vùng đất có lịch sử, văn hoá lâu đời. Đến đầu thế kỷ XVIII, đất này càng trở nên nổi tiếng bởi có liên quan trực tiếp tới các chúa Trịnh, đặc biệt là với Nhân vương Trịnh Cương - nhân vật gần đây được các nhà nghiên cứu đánh giá là có nhiều thành tựu trong cải cách hành chính, đổi mới và chấn hưng kinh tế dưới thời Lê Trung hưng.

Theo sử cũ:

Tháng 11 (năm 1727) chúa Trịnh Cương cho dựng phủ đệ mới ở Cổ Bi, vốn là một địa danh nổi tiếng ở vùng Kinh Bắc, lại tiếp giáp với xã Như Kinh (quê hương Trượng Thái phi, mẹ đẻ của Trịnh Cương), nên chúa



thường tuần du đến đây (hiện còn di tích Từ Vũ ở thôn Ngọc Quỳnh, thị trấn Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên). Là người am hiểu thuyết phong thủy, chúa Trịnh Cương muốn xây dựng cung điện ở Cổ Bi để di dời phủ đệ từ Thăng Long sang, biến nơi này thành trung tâm quyền lực, "kinh đô thứ hai" của người "điều hành quốc gia". Công việc được tiến hành trong một tháng thì xong, chúa đổi tên mới là phủ Kim Thành.

Tháng 7 (1729) nước sông lên to, đê Cự Linh bị vỡ, khiến hành cung Cổ Bi bị đổ nát và khi Trịnh Cương mất, việc xây dựng không còn được chú trọng nữa.

Năm Ất Hợi (1755), chúa Trịnh Doanh lại cho dựng cung miếu ở Cổ Bi.

Như vậy, qua ghi chép của sử thành văn, hành cung Cổ Bi được xây dựng hai lần:

Lần thứ nhất là vào năm 1727, xây dựng trong một tháng thì xong, chúa đổi tên là phủ Kim Thành. Hai năm sau, phủ Kim Thành bị lũ lụt tàn phá và dưới thời chúa Trịnh Giang thì không được quan tâm.

Lần thứ hai, sử ghi chúa Trịnh Doanh dựng lại cung miếu, không rõ ở mức độ nào và rõ ràng không phải phủ hay hành cung.

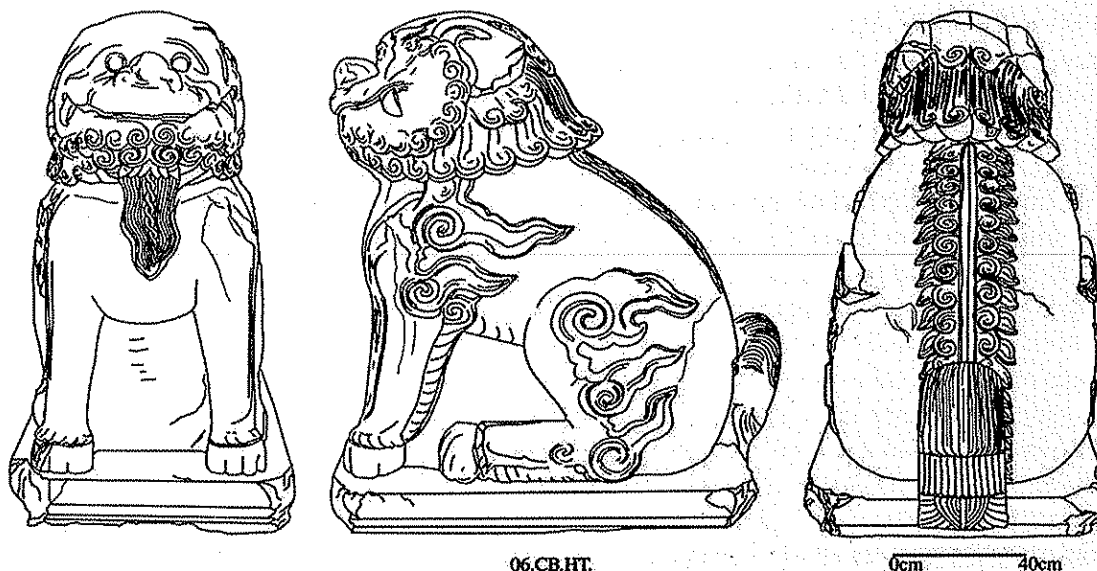
Tóm lại, sử sách ghi chép hết sức ngắn gọn việc xây dựng, tồn tại của hành cung Cổ Bi/phủ Kim Thành. Tuy nhiên, từ ý đồ đến việc xây dựng đã cho chúng ta thấy, đây là công trình quan trọng được quan tâm đặc biệt, nhưng tới nay thật khó hình dung về quy mô của nó.

Qua điều tra hồi cố trong dân gian, thì hành

cung Cổ Bi là một hệ thống thành lũy, cung điện nguy nga, bề thế. Phủ chúa là cung điện lớn, hai bên có các con thú lớn bằng đá xanh, ngói châu ở tư thế cân đối. Xung quanh là hệ thống hành dinh của quan tùy tùng, trong thành có nhiều cây cổ thụ, khiến cho không gian trở nên bề thế và trang nghiêm. Trong chiến tranh, hành cung bị tàn phá nặng nề, chỉ còn nền móng cũ cùng hàng tượng voi, sư tử và hổ đá, mang đậm phong cách nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XVIII.

Nhằm từng bước tìm hiểu và khôi phục đầy đủ diện mạo vốn có của di tích, trong chương trình Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, theo quyết định của Bộ Văn hoá - Thông tin, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam cùng Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội và VP. Ban Chỉ đạo Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội tiến hành điều tra, thám sát và khai quật khảo cổ học di tích hành cung Cổ Bi.

Bước đầu tập trung thám sát và khai quật ở khu vực trung tâm của (gò) đình Bình Minh, kết quả có nhiều di vật xuất lộ trên bề mặt, đặc biệt là vị trí liên kết với hàng tượng đá lớn hiện còn ở nơi đây. Bên cạnh đó, tiến hành điều tra, khảo sát khu vực phụ cận (trong vòng bán kính khoảng 5km), để tìm hiểu vết tích liên quan đến hành cung Cổ Bi, như địa phận thôn Cam, thôn Vàng (xã Cổ Bi), thôn Cửu Trù và Việt Thành (nay gộp thành thôn Cửu Việt, thị trấn Trâu Quỳ), rồi lăng mộ bà Quận Chúa Trương Thái phi (khu di tích Từ Vũ thôn Ngọc Quỳnh, thị trấn



Hình tượng nghệ đình Bình Minh - Bản vẽ: Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Việt Nam

Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên)...

Dưới đây là một vài kết quả:

- Kết cấu địa tầng các hố đào cho thấy di tích được xây dựng trên gò cao, có xu hướng dốc dần từ trung tâm đỉnh gò ra xung quanh (từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây). Điều này hoàn toàn phù hợp với sử sách và lưu truyền trong dân gian về các trận ngập lụt ở vùng đất này, trong đó, gò Đình (Bình Minh) là nơi cao nhất, trước đây bao bọc bởi hệ thống sông hồ (cách đây khoảng 30 - 40 năm đã cạn kiệt dần).

Diễn biến địa tầng cho thấy, hàng nghìn năm trước khi được các chúa Trịnh chọn làm hành cung và phủ đệ, thì khu vực này đã là nơi cư trú lý tưởng của các cư dân thời văn hoá Đông Sơn với chứng tích là các mảnh gốm nằm ở độ sâu 1,8 - 1,85m (trong hố 06.CB.III). Tiếp đó, trong hố đào còn tìm thấy vết tích kiến trúc có niên đại vào thế kỷ XIII - XIV (thời Trần) với chân tảng đá sa thạch và ngói mũi hài phân bố ở độ sâu 1,2 - 1,5m. Các vết tích kiến trúc thời Lê Trung hưng xuất hiện đậm đặc trong tất cả các hố khai quật, được xác định là các bộ phận của hành cung Cổ Bi và phủ Kim Thành. Đó là các dấu tích gia cố móng tường bao, vệt gia cố dầm đá vôi tạo thành lối lên chính điện (độ sâu 0,5 - 0,7m đến 1,4 - 1,5m). Trong đó, đáng chú ý nhất là vệt gia cố sử dụng các mảnh sành, gốm men và phế liệu kiến trúc lèn chặt, tạo thành mặt bằng, là kỹ thuật đặc trưng của kiến trúc thời Lê. Có thể đây là vết tích móng tường bao, giới hạn phía Tây của hành cung Cổ Bi và phủ Kim Thành xưa.

Địa tầng các hố đào còn cho thấy, vào thời Nguyễn, nơi đây vẫn được chú trọng xây dựng với vết tích là các loại vật liệu (gạch chỉ, gạch Bát Tràng, ngói...) và đồng đồ dày đặc phế liệu kiến trúc ở độ sâu 0,3 - 0,4m.

Nhìn chung, vật liệu tham gia các công trình kiến trúc của hành cung Cổ Bi và phủ Kim Thành chủ yếu được làm bằng chất liệu đất nung, bao gồm các loại gạch vồ xây móng, hình hòm sô, màu xám đen; gạch bìa hình gần vuông, màu đỏ và vàng nhạt; các mảnh thân và đầu ngói mũi hài, màu đỏ vàng (dày 2cm - 3cm, mũi gắn tù, có tiêu bản mũi dày tới 6,3cm), trang trí hình lá đề xoắn móc đơn giản, ngói âm dương, màu xám đen hoặc ngả màu chì. Ngoài ra, là các chân tảng đá kê cột, các loại vật liệu

Nguyễn Văn Đoàn: *Tìm lại hành cung Cổ Bi xưa*

gia cố mặt bằng kiến trúc và đường lên phủ điện.

Cùng với hiện vật của kiến trúc, ở hành cung Cổ Bi và phủ Kim Thành còn có số lượng lớn, bát, đĩa, bình thuộc hai nhóm gốm men trắng vẽ lam trang trí đơn giản, trong có dấu ve lòng, phủ men không hết và nhóm men trắng ngả xanh, xám, đáy phủ men, trong có dấu con kê (4, 5 mẫu) rất đặc trưng của đương thời. Cùng đó, là một số loại hình lon, lọ và mảnh đồ đựng bằng sành.

Qua kết quả điều tra, thám sát và khai quật di tích hành cung Cổ Bi, với các vết tích kiến trúc xuất lộ cùng các di vật, đã mang lại những nhận thức mới, đầy đủ hơn về một di tích được sử sách và dân gian lưu truyền, nhiều vấn đề được làm sáng tỏ hơn, nhưng vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu.

Về khung niên đại và quá trình tồn tại của di tích, qua thám sát, khai quật cho thấy vùng đất này có lịch sử lâu đời. Trong các hố đào rải rác còn thu được những mảnh vật liệu xây mộ gạch từ thời kỳ Bắc thuộc là minh chứng cụ thể và sinh động cho các truyền thuyết dân gian có liên quan đến các ngôi mộ Hán và thời kỳ Bắc thuộc (gò Nhất Tự, gò Bán Dầy, gò Trâu Đục, gò Đống, núi Voi...). Đặc biệt, trong địa tầng hố II, ở độ sâu 1,85m còn xác định được những vết tích cư trú thuộc văn hoá Đông Sơn. Trật tự địa tầng Cổ Bi phù hợp với thực tiễn khảo cổ học vùng châu thổ Bắc bộ, ở đâu có mộ Hán và dấu ấn văn hoá Hán thì ở đó thường có di chỉ cư trú của người Việt cổ thuộc văn hoá Đông Sơn.

Hố khai quật III và VIII đã xác định được dấu tích kiến trúc thời Trần. Mặc dù vết tích tìm thấy chỉ là đồng đồ kiến trúc, song qua đối sánh với các công trình kiến trúc khác cùng thời, có thể nhận thấy chúng là vật liệu của các công trình kiến trúc tương đối có quy mô (kiến trúc tôn giáo, phủ đệ...). Công trình kiến trúc này được xây dựng trên gò cao, mà trung tâm của nó chính là tâm gò/đình Bình Minh hiện tại. Nhìn trên sơ đồ vị trí hố thám sát và khai quật, có thể nhận thấy vết tích kiến trúc thời Trần phân bố trong phạm vi hẹp, có xu hướng phát triển về phía Đông, song do vị trí này là khu dân cư nên chưa có điều kiện mở rộng nghiên cứu.

Tuy sử sách không ghi chép cụ thể vào thời kỳ này trên vùng đất Cổ Bi có công trình kiến trúc nào, song kiến trúc thời thời Lý - Trần tìm

thấy ở khu vực phụ cận thì có nhiều. Bởi vậy, đây là một gợi ý trong định hướng nghiên cứu tiếp theo. Không phải đến tận đầu thế kỷ XVIII, nơi này mới trở thành "địa linh" mà có thể trước đó đã có dấu ấn của con người và các công trình kiến trúc quy mô được xây dựng ?.

Bước sang thế kỷ XVIII, đúng như sử sách và truyền thuyết dân gian lưu truyền, trong các hố đào đều xuất hiện khá đậm đặc vết tích văn hoá của thời kỳ này, với nhiều loại hình vật liệu kiến trúc phong phú (đặc biệt trong các hố I, II, III, IV, VI, VII, VIII, XI có các vết tích xuất hiện dưới dạng phế tích hoặc đồng đồ phế liệu kiến trúc). Trong đó đáng chú ý nhất là vết tích trong các hố II, III, IV mà qua quan sát lối bố cục và kết cấu (hình chữ nhật, rộng 0,7m; dày khoảng 0,1 - 0,2m, lèn tương đối chặt các loại phế liệu kiến trúc cùng mảnh gốm, sành đất nung thời Lê) có thể cho rằng chúng là phần gia cố còn lại của dạng tường bao (nữ tường) ở khu vực phía Tây hành cung Cổ Bi hay phủ Kim Thành.

Trong các hố đào cũng thấy khá đậm đặc dấu tích kiến trúc thời Nguyễn với sự xuất hiện của gạch chỉ xây móng, gạch lát nền Bát Tràng, ngói mũi, vôi vữa... Đó là những tư liệu mới, cho biết sang thời Nguyễn, ở đây vẫn có công trình kiến trúc được dựng, như để nối tiếp sự tồn tại của hành cung Cổ Bi. Tuy nhiên, có lẽ đó chỉ là một công trình tưởng niệm hay thờ tự mà thôi, vì khi chúa Trịnh Cương mất, nhân dân địa phương đã thờ ông làm Thành Hoàng làng. Rất có thể lớp kiến trúc thời Nguyễn tìm thấy trong hố đào chính là dấu tích của công trình kiến trúc này.

Qua kết quả khảo sát thực địa cùng tài liệu địa tầng và các vết tích kiến trúc xuất lộ trong hố đào có thể nhận thấy, phạm vi phân bố của hành cung Cổ Bi/phủ Kim Thành xưa là khá rộng, tuy nhiên, khu trung tâm lại tập trung chủ yếu trong phạm vi đình và khu tổ dân phố Bình Minh hiện nay.

Kết quả khảo sát khu vực phụ cận cho biết, hành cung Cổ Bi/phủ Kim Thành xưa, ngoài khu vực trung tâm, còn có các vòng thành bao bọc, kéo dài từ đê sông Đuống đến Đốc Lờ, qua trung tâm Thị trấn Trâu Quỳ, sang đê Hội Xá. Vết tích đoạn thành phía Tây duy nhất còn thấy nằm trên đường từ Cổ Bi đến đê sông Đuống (cao hơn 1m, rộng bề mặt tới gần 3m trên đường vào thôn Cam, sang thôn Vàng).

Phía Nam, khu vực trung tâm Thị trấn cũng còn vết tích những đoạn thành, hơn nữa, bản thân tên gọi trước đây của thôn Cửu Việt là ấp Đường Thành cũng phản ánh điều đó.

Căn cứ vào các vết tích kiến trúc trong hố đào có thể thấy, phạm vi phân bố của hành cung Cổ Bi xưa tập trung chủ yếu ở khu vực đình Bình Minh hiện nay và có xu hướng tiến về phía Nam, hướng từ đình ra khu vực 2 "ông hồ", khoảng 100m (vết tích kiến trúc thời Lê Trung hưng chỉ thấy trong các hố ở khu trung tâm gò đình hướng về phía trước, còn các hố nằm về phía Bắc (hố X) và Đông Bắc (hố IX) không thấy vết tích kiến trúc). Thực tế này khá phù hợp với những thông tin của nhân dân địa phương cho biết qua việc phát hiện ngẫu nhiên các bó móng bằng đá thanh cùng vật liệu kiến trúc và cả giếng nước... ở khu vực này.

Trong quá trình khai quật, qua các vết tích kiến trúc, đặc biệt theo dõi diễn biến các loại hình hiện vật... dường như không thấy sự xuất hiện các loại hoa văn trang trí (chỉ có duy nhất 1 mảnh trang trí rồng). Đặc biệt, các loại ngói ống và âm dương xuất hiện nhiều, song trên đó đều không thấy thể hiện trang trí công phu... Theo chúng tôi, hành cung Cổ Bi/phủ Kim Thành khi đó chưa có nhiều kiến trúc hoàn chỉnh. Có thể chỉ có một số công trình "cốt yếu" được xây dựng, còn các công trình khác mới chỉ là "dự định", chưa phải là một hành cung, một phủ theo đúng nghĩa là những công trình quy mô, bề thế, toà ngang, dãy dọc....

Di tích Cổ Bi cần được ngành Văn hoá và các cấp chính quyền quan tâm, khoanh vùng bảo vệ, lập hồ sơ khoa học, phục vụ nghiên cứu lâu dài cũng như bảo tồn và phát huy tác dụng. Trong thời gian tới đây, khi di tích đã được xếp hạng cấp Thành phố, cần có kiến nghị từng bước tiến tới xếp hạng cấp Quốc gia. Và khi đó, nên chăng, tên gọi của di tích sẽ là *hành cung Cổ Bi*, thay cho tên gọi *đình Bình Minh* như hiện nay, bởi như vậy mới xứng đáng và đúng với tầm vóc lịch sử của di tích.